

Số 70 /GXN-TCMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất của Công ty Giấy Bãi Bằng,
giai đoạn 1 lên 100.000 tấn/năm” của Tổng Công ty Giấy Việt Nam

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
Số: 625...
Ngày: 18.8.16
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Tổng Công ty Giấy Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: Số 25A, phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa điểm hoạt động: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3829.755

Fax: 0210.3829.177

Tài khoản số: 102010000253363 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng - Phú Thọ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600357502.

Ngày cấp: 20/4/2011.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 322/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất của Công ty Giấy Bãi Bằng, giai đoạn 1 lên 100.000 tấn/năm” của Tổng Công ty Giấy Việt Nam (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như mục I (02);
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Sở TN&MT tỉnh Phú Thọ;
- VPMC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSMT, QV (09).



Nguyễn Văn Tài

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 70 /GXN-TCMT ngày 11 tháng 2 năm 2016 của Tổng cục Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:**1.1. Công trình thu gom và thoát nước mưa, nước thải:****1.1.1. Công trình thu gom và thoát nước mưa:**

- Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa xung quanh các khu vực gồm: Các văn phòng làm việc, các phân xưởng sản xuất, sân bãi lưu giữ các loại nguyên liệu thô (Tre, gỗ, vỏ cây, mùn cưa), khu vực bãi để than (đã được trang bị mái che kín), khu vực xưởng sửa chữa không phát sinh dầu thải lỏng,...; trong đó có tổng số 28 bể nước mưa, 30 hố ga lắng cặn, các rãnh thu gom nước mưa tùy thuộc địa hình từng khu vực có kích thước khác nhau 250x500; 300x600; 400x800 mm, mương thoát chính có kích thước 600-800 x 600-800 mm.

- Đã xây dựng 06 điểm xả nước mưa gồm: 01 điểm ra hồ bùn vôi, 02 điểm ra mương Phú Nham, 01 điểm ra hồ Bồ Hòn và 02 điểm ra mương thoát nước chung của khu dân cư xung quanh.

1.1.2. Công trình thu gom và thoát nước thải:

- Đã lắp đặt các tuyến ống có đường kính 90-200 mm thu gom nước thải sinh hoạt của các khu vực văn phòng, phân xưởng, nhà máy điện, xí nghiệp sửa chữa,... dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất bằng đường ống có chiều dài 50 m, đường kính 110 mm.

- Đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải sản xuất, cụ thể như sau:

+ Đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải từ các công đoạn sản xuất chính gồm: Bộ phận nấu, rửa, sàng, tẩy trắng, xeo bột, sản xuất hóa chất tẩy, chung bốc, lò hơi thu hồi, xút hóa, khu vực nguyên liệu (những điểm có hàm lượng chất ô nhiễm cao),... bằng các tuyến công ngầm kết cấu bê tông cốt thép hoặc nhựa tổng hợp, được chia thành các tuyến khác nhau thu gom về hai tuyến ống lớn có đường kính ống 700 mm, 800 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

+ Đã xây dựng hệ thống ống dẫn nước thải từ hồ bùn vôi bằng nhựa tổng hợp, chôn ngầm, chiều dài khoảng 70 m, đường kính 400 mm về hố gom nước thải số 43 tại Nhà máy Hóa chất trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

+ Đã xây dựng rãnh gom có kích thước rộng 60 cm, sâu 20-40 cm, dài 30 m thu gom nước rửa cây nguyên liệu, nước làm kín, nước làm mát thiết bị thừa của dây chuyền xử lý nguyên liệu và nước phun ẩm cây nguyên liệu từ bộ phận thùng bốc vỏ dẫn về bể lắng cơ học có dung tích 110 m³ để xử lý trước khi xả ra hồ Bồ Hòn.

+ Đã lắp đặt đường ống nhựa có đường kính 200 mm thu gom nước thải từ bộ phận rửa mảnh mua ngoài dẫn về hố ga tập trung nước thải có xơ sợi tại sân nguyên liệu trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

+ Đã xây dựng các rãnh gom bằng bê tông có kích thước rộng 40 cm, sâu 30-70 cm, chiều dài 70 m thu gom nước thải của lò hơi động lực (đốt than) dẫn về bể lắng xi có dung tích khoảng 140 m³ trước khi xả ra mương Phú Nham.



+ Đã xây dựng hệ thống bể lắng gồm 4 ngăn, hình chữ nhật, tổng thể tích lắng là 120 m^3 xử lý lắng lọc cơ học tại chỗ nước thải của lò hơi đốt sinh khối trước khi dẫn nhập cùng với nước lắng tro xỉ của lò hơi đốt than và thải ra ruộng Phú Nham.

+ Đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải sản xuất từ 04 đơn vị bên ngoài gồm: Công ty Cổ phần Giấy BBP (Đường kính ống 250 mm, chiều dài 800 m, chôn ngầm từ 50 cm đến 70 cm, điểm đầu nối tại hồ khẩn cấp), Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Giấy Phong Châu (Đường kính ống 110 mm, chiều dài 200 m, chôn ngầm từ 40 cm đến 50 cm, điểm đầu tại hố ga số 43 tại nhà máy Hóa chất), Công ty Cổ phần Đông Á (Đường kính ống 90 mm, chiều dài 200 m, chôn ngầm từ 30 đến 50 cm, điểm đầu nối tại hố ga số 43 tại Nhà máy Hóa chất), Hợp tác xã Sản xuất Giấy Phù Ninh (Đường kính ống 110mm, chiều dài 1.200 m, chôn ngầm từ 30 đến 50 cm, điểm đầu nối tại hồ khẩn cấp).

- Đã xây dựng tuyến cống ngầm bằng nhựa tổng hợp dẫn nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất ra sông Hồng có tổng chiều dài 8.835 m, chênh lệch cốt độ 14,9 mét với số gôỉ đỡ chuyển hướng là 86 điểm, số điểm thông áp là 02 điểm (điểm thông áp đầu tại khu Núi Voi, thị trấn Phong Châu và điểm thông áp cuối tại đê sông Hồng).

1.2. Công trình xử lý nước thải

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ công nghệ xử lý sinh học yếm khí, sử dụng hóa chất khử trùng là natri hypoclorit.

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất $30.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$:

+ Công nghệ xử lý: Cơ, lý, hóa học kết hợp xử lý vi sinh bùn hoạt tính.

+ Chế độ vận hành: Liên tục.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau xử lý → Sàng thanh → Máng đo lưu lượng → Bể bông kết và lắng sơ cấp → Bể điều hòa → Tháp làm mát → Bể lựa chọn → Bể sục khí → Bể đập khí → Bể lắng thứ cấp → Trạm bơm → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất sử dụng: Phèn, chất phá bọt, Urê, Polyme, H_3PO_4 , H_2SO_4 .

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q = 1,1$ và $K_f = 0,9$.

+ Nguồn tiếp nhận: Sông Hồng (Bến đò Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ).

+ Đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng, pH, DO, COD, BOD₅, TSS.

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tro, xỉ từ Nhà máy Điện:

+ Đã xây dựng hệ thống nước thải tro xỉ của lò hơi đốt than với quy trình xử lý: Nước thải tro, xỉ → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Ngăn lắng 3 → Nguồn tiếp nhận.

+ Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải lò đốt sinh khối với quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng động thô → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể nước trong → Nguồn tiếp nhận.

le

z

+ Nguồn tiếp nhận: Mương Phú Nham.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

- Đã xây dựng 01 bể lắng có kích thước dài 12,3 m, rộng 2,5 m, sâu 3,6 m, dung tích 110 m³ để xử lý nước thải từ công đoạn rửa nguyên liệu trước khi xả ra Hồ Bò Hòn với quy chuẩn áp dụng là QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với $K_q = 0,6$ và $K_f = 1,0$.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi động lực (lò hơi đốt than) công suất 145 tấn hơi/h với quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống lọc bụi cơ học (Cyclone) → Hệ thống lọc bụi tĩnh điện → Ống khói (Cao 50 m, đường kính 02 m).

- Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt sinh khối công suất 20 tấn hơi/h với quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống lọc bụi đa ống sứ → Hệ thống lọc bụi màng ướt → Ống khói (Cao 20 m, đường kính 02 m).

- Đã lắp đặt hệ thống lọc bụi tĩnh điện để xử lý khí thải lò thu hồi (lò hơi đốt dịch đen) công suất 36 tấn hơi/giờ trước khi thải ra môi trường qua ống khói cao 50 m, đường kính 02 m.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$ trước khi thải ra môi trường theo quy định.

3. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đối với rác thải sinh hoạt: Đã trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy kín và đặt tại các vị trí có phát sinh rác thải như khu nhà ăn, căn tin, khu văn phòng,... để lưu giữ tạm thời rác thải phát sinh, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Bột giấy thải (bao gồm lẻ lõi thải và bùn sơ cấp thu hồi từ hệ thống xử lý nước thải): Được lưu chứa tạm thời tại Nhà máy Giấy, sau đó bán cho các Công ty sản xuất giấy cactong để tái chế.

+ Bùn vôi thải: Đã xây dựng hồ chứa bùn vôi diện tích 12,2 ha, thể tích 245.000 m³ tại Khu 6, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, bùn vôi từ Nhà máy được vận chuyển bằng xe tải che kín ra hồ chứa.

+ Các chất thải rắn dạng sinh khối (Vỏ cây, mùn cưa, bùn vi sinh): Đã xây dựng khu vực có diện tích 2.000 m², có mái che để lưu giữ trước khi đưa vào bộ phận cấp liệu của cửa lò hơi đốt sinh khối công suất 20 tấn hơi/h.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Đã xây dựng kho chứa có diện tích 25 m² có mái che để lưu giữ tạm thời bùn thải trước khi chuyển đến bộ phận cấp liệu của cửa lò hơi đốt sinh khối hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH): Đã xây dựng 01 khu vực lưu giữ tạm thời CTNH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật với diện tích 50 m², đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 25.000012.T cấp ngày 20 tháng 6 năm 2014 và quản lý CTNH theo quy định.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy; phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và được Công an tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 75/ĐK-PCCC ngày 23 tháng 5 năm 2011.
- Đã được Bộ Công thương phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Quyết định số 7615/QĐ-BCT ngày 14 tháng 10 năm 2013.
- Đã trồng cây xanh trong khuôn viên với tỷ lệ trên 30% tổng diện tích mặt bằng.
- Đã xây dựng 01 hồ chứa nước thải khẩn cấp thể tích 12.000 m³.

5. Chương trình giám sát môi trường của cơ sở:

5.1. Giám sát chất lượng nước thải công nghiệp:

5.1.1. Quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, độ màu, DO, COD, BOD₅, TSS, pH, Clo dư;
- Vị trí lắp đặt: Sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với $K_q = 1,1$ và $K_f = 0,9$.
- Thời gian hoàn thành: trước ngày 31/12/2016.

5.1.2. Giám sát định kỳ nước thải sản xuất và sinh hoạt ra sông Hồng:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải và 01 vị trí tại cửa xả ra sông Hồng).
- Thông số giám sát bắt buộc: Nhiệt độ, pH, màu, BOD₅, COD, TSS, AOX, As, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Xianua, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Tổng phenol, Clo dư, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với $K_q = 1,1$ và $K_f = 0,9$.

5.1.3. Giám sát định kỳ nước thải rửa nguyên liệu ra hồ Bò Hòn:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (nước thải trước khi xả ra hồ Bò Hòn).
- Thông số giám sát bắt buộc: Nhiệt độ, pH, màu, BOD₅, COD, TSS, AOX, As, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Xianua, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Tổng phenol, Clo dư, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B với $K_q = 0,6$ và $K_f = 1,0$.

5.1.4. Giám sát định kỳ nước thải tro xỉ ra mương Phú Nham:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (nước thải trước khi xả ra mương Phú Nham).

- Thông số giám sát bắt buộc: Nhiệt độ, pH, màu, BOD₅, COD, TSS, AOX, As, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Xianua, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Tổng phenol, Clo dư, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

5.1.5. Giám sát định kỳ nước thải tại hồ bùn vôi:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (tại hồ bùn vôi).

- Thông số giám sát bắt buộc: Nhiệt độ, pH, màu, BOD₅, COD, TSS, AOX, As, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Xianua, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Tổng phenol, Clo dư, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT cột B3 và QCVN 40:2011/BTNMT Cột B.

5.2. Giám sát khí thải lò hơi:

5.1.1. Quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói thải lò hơi thu hồi và 01 vị trí tại ống khói thải lò hơi động lực).

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Cột B với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$.

- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 28/2/2017.

5.2.2. Giám sát định kỳ khí thải lò hơi thu hồi:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (ống khói thải lò hơi thu hồi).

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x, H₂S.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Cột B với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$.

5.2.3. Giám sát định kỳ khí thải lò hơi động lực:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (ống khói thải lò hơi động lực).

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$.

5.2.4. Giám sát định kỳ khí thải lò hơi đốt rác:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (ống khói thải lò hơi đốt rác).

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$.

5.3. Chương trình giám sát chất thải rắn:

5.3.1. Giám sát định kỳ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (bùn vi sinh và bùn sơ cấp của hệ thống xử lý nước thải).
- Thông số giám sát: pH, phenol, CN⁻, các hợp chất Clo hữu cơ, As, Cd, Zn, Ni, Fe, Mn, Hg, Pb, SiO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT.

5.3.2. Giám sát định kỳ tro thải lò đốt sinh khối:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Tro thải lò hơi đốt rác).
- Thông số giám sát: pH, As, Cd, Zn, Ni, Fe, Mn, Hg, Pb, SiO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT.

5.4. Chương trình giám sát môi trường nước mặt:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí nước sông Hồng phía hạ lưu cách điểm xả thải 100 m; 01 vị trí nước sông Lô tại cảng An Đạo; 01 vị trí nước trong hồ Bồ Hòn các điểm xả thải 30 m; 01 vị trí nước trong mương Phú Nham cách điểm xả thải 30 m).
- Thông số giám sát bắt buộc: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Xianua, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng phenol, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, E.Coli.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

(Chương trình giám sát môi trường kèm theo Giấy xác nhận này thay thế nội dung đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt).

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số: 70 /GXN-TCMT do Tổng cục Môi trường cấp lần 01 ngày 11 tháng 08 năm 2016".

7. Yêu cầu khác:

- Lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc tự động, liên tục nước thải đối với chỉ tiêu độ màu, Clo dư trước ngày 31 tháng 12 năm 2016;
- Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục khí thải cho lò hơi động lực và lò hơi thu hồi trước ngày 28 tháng 02 năm 2017;
- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.